

SỰ THAM GIA CỦA PHỤ NỮ CAO TUỔI TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ GIA ĐÌNH

(Nghiên cứu trường hợp tỉnh Bắc Ninh)

TRẦN NGUYỆT MINH THU*

Tóm tắt: Trong bối cảnh Việt Nam đang bước vào giai đoạn già hóa dân số với tốc độ nhanh chóng, phụ nữ cao tuổi không chỉ là nhóm cần được quan tâm đặc biệt về sức khỏe và an sinh xã hội, mà còn là lực lượng có tiềm năng đóng góp cho phát triển kinh tế gia đình. Thông qua phân tích chính sách hiện hành và số liệu khảo sát định lượng tại tỉnh Bắc Ninh, bài viết làm rõ vai trò, mức độ tham gia lao động, thu nhập và đặc điểm chi tiêu của phụ nữ cao tuổi. Kết quả nghiên cứu cho thấy, dù gặp rào cản như sức khỏe suy giảm, gánh nặng chăm sóc gia đình, mức độ tự chủ kinh tế thấp, song nhiều phụ nữ cao tuổi vẫn lựa chọn tiếp tục làm việc để duy trì thể chất, tinh thần và góp phần hỗ trợ gia đình. Bài viết nhấn mạnh vai trò đa chiều của phụ nữ cao tuổi trong tham gia tổ chức cuộc sống gia đình nhiều thế hệ, từ đó đề xuất định hướng chính sách nhằm phát huy tiềm năng, kinh nghiệm và sự bền bỉ của nhóm đối tượng này trong phát triển kinh tế hộ gia đình, hướng tới mục tiêu già hóa chủ động và bền vững.

Từ khóa: phụ nữ cao tuổi, phát triển kinh tế hộ gia đình, phát huy vai trò.

Nhận bài: 22/7/2025

Gửi phản biện: 08/9/2025

Duyệt đăng: 24/10/2025

1. Giới thiệu

Mỗi quốc gia trên thế giới, không phân biệt trình độ phát triển, đều đang chứng kiến sự gia tăng đồng thời về quy mô và tỷ trọng của nhóm người cao tuổi (NCT) trong cơ cấu dân số. Ngày nay, hầu hết mọi người đều có thể kỳ vọng sống đến 60 tuổi và hơn thế nữa (WHO, 2024). Năm 2020 thế giới có khoảng 1 tỷ người từ 60 tuổi trở lên, dự kiến sẽ tăng lên 1,4 tỷ vào năm 2030, tương đương với cứ 6 người thì có 1 NCT. Đến năm 2050, số người từ 60 tuổi trở lên sẽ tăng gấp đôi với khoảng 2,1 tỷ; người từ 80 tuổi trở lên được dự báo sẽ tăng gấp ba lần trong giai đoạn 2020-2050, khoảng 426 triệu (WHO, 2023). Quỹ Dân số Liên Hợp Quốc xác định dân số già hóa là khi tỷ lệ người từ 60 tuổi trở lên chiếm 10% hoặc tỷ lệ người từ 65 tuổi trở lên chiếm 7% tổng dân số.

Tỷ suất sinh giảm và tuổi thọ tăng là hai yếu tố dẫn đến già hóa dân số (UNFPA, 2011). Dự kiến đến năm 2050, hai phần ba dân số thế giới trên 60 tuổi chủ yếu sống tại các nước đang phát triển, tốc độ già hóa dân số cũng nhanh nhất ở các quốc gia này so với các giai đoạn trong quá khứ (UNFPA, 2011; WHO, 2024). Xu hướng này đặt ra nhiều thách

* Viện Xã hội học và Tâm lý học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

thức cho hệ thống an sinh xã hội và dịch vụ công, đặc biệt là trong chăm sóc sức khỏe, hỗ trợ sinh kế và duy trì vai trò xã hội của NCT, nhóm dân số dễ bị tổn thương cả về thể chất lẫn tinh thần. Ở cấp độ sinh học, già hóa là quá trình suy giảm dần khả năng vận động, sức khỏe thể chất, sức khỏe tinh thần, tăng nguy cơ mắc bệnh, tỷ lệ thuận với số tuổi theo năm của một người (WHO, 2024). Trong đời sống xã hội, NCT cũng dần phải trải qua những thay đổi to lớn trong cuộc sống như: con cái trưởng thành lập gia đình rồi dần sống riêng, nghỉ hưu, mất dần bạn bè và người bạn đời, phải thích ứng với cuộc sống độc lập. Những thay đổi này dễ gây cảm giác cô đơn, thiếu mục tiêu, thiếu tự tin, mất phương hướng và tách biệt xã hội.

Tại Việt Nam, quá trình già hóa dân số đang diễn ra với tốc độ nhanh. Năm 2023, dân số Việt Nam khoảng 100,3 triệu người, với hơn 16 triệu NCT. Dự báo đến năm 2038 Việt Nam sẽ chính thức bước vào giai đoạn “dân số già” với khoảng 21 triệu NCT, chiếm gần 20% tổng dân số (Bích Hà, 2024). Mặc dù tuổi thọ trung bình đã tăng từ 65,2 tuổi (năm 1989) lên 73,7 tuổi (năm 2020) (Tổng cục Thống kê, 2021), song số năm sống khỏe của NCT chỉ tới khoảng 64 tuổi, và trung bình mỗi người có gần 10 năm cuối đời (11 năm đối với nữ giới và 8 năm đối với nam giới) không thực sự khỏe, sống chung với bệnh tật (Mai, 2022). Già hóa là một quá trình sinh học, cũng là một quá trình xã hội, đòi hỏi NCT nói chung và phụ nữ cao tuổi (PNCT) nói riêng cần có sự thích ứng linh hoạt với những thay đổi về sức khỏe, vai trò và vị thế xã hội.

Bài viết sử dụng số liệu từ đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ cấp tỉnh “Chăm sóc và phát huy vai trò của người cao tuổi trong bối cảnh già hóa dân số ở tỉnh Bắc Ninh” do Hội Xã hội học Việt Nam chủ trì thực hiện năm 2024 tại Bắc Ninh, khảo sát với cỡ mẫu 400 NCT. Dựa trên việc phân tích chính sách, khung pháp lý và kết quả khảo sát tại địa phương, bài viết đặt trọng tâm làm rõ các khía cạnh lao động việc làm, thu nhập chi tiêu và cuộc sống của PNCT, đưa ra một số bàn luận, góp phần phát huy vai trò của PNCT trong bối cảnh già hóa dân số.

2. Một số chính sách và quy định pháp luật về người cao tuổi

Luật Người cao tuổi (Luật số 39/2009/QH12 của Quốc hội) là văn bản pháp lý quan trọng, quy định quyền, nghĩa vụ, các chính sách, biện pháp bảo đảm quyền lợi của NCT, đồng thời xác định trách nhiệm của gia đình, cộng đồng và Nhà nước trong việc chăm sóc và phát huy vai trò của NCT. Luật này quy định NCT là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên (Điều 2), quy định về quyền và nghĩa vụ của NCT, và trách nhiệm của gia đình, Nhà nước và xã hội trong việc phụng dưỡng, chăm sóc và phát huy vai trò NCT (Điều 1). Luật quy định rõ hai trụ cột chính trong chính sách đối với NCT là chăm sóc và phát huy vai trò của NCT trong đời sống xã hội và cộng đồng. NCT cần được chăm sóc đời sống tinh thần, vật chất; người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng NCT là con, cháu (Điều 10). Trong khám bệnh, chữa bệnh, người từ đủ 80 tuổi trở lên được ưu tiên khám trước (Điều 12). Trong hoạt động văn hóa, giáo dục, thể dục, thể thao, giải trí và du lịch, nhà nước đầu tư và khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở văn hóa, giáo dục, thể dục, thể thao, giải trí, du lịch nhằm đáp ứng nhu cầu tinh thần và rèn luyện sức khỏe của NCT (Điều 14). Nhà nước, xã hội và gia đình tạo điều kiện để NCT phát huy trí tuệ, kinh nghiệm quý

và phẩm chất tốt đẹp trong các hoạt động vì lợi ích của tổ chức và nhân dân, và tạo điều kiện để NCT bày tỏ ý kiến, nguyện vọng, kiến nghị (Điều 23, 24). Các điều luật đều thể hiện sự tôn trọng tính tự nguyện và đa dạng của NCT, không áp đặt vai trò, mở ra sự lựa chọn. Đây là một cách tiếp cận hiện đại, nhân văn và phù hợp với xã hội đang già hóa nhanh như Việt Nam hiện nay.

NCT ở Việt Nam luôn nhận được sự quan tâm đặc biệt từ Nhà nước, với các chính sách và quy định rõ ràng trong nhiều bộ luật khác nhau như: Luật Người cao tuổi (Luật số 39/2009/QH12), Bộ luật Lao động (Luật số 45/2019/QH14), Luật Bảo hiểm xã hội (Luật số 58/2014/QH13), Luật Khám bệnh, chữa bệnh (Luật số 40/2009/QH12), Luật Hôn nhân và Gia đình (Luật số 22/2000/QH10), Bộ luật Dân sự (Luật số 91/2015/QH13), Luật Giao thông đường bộ (Luật số 23/2008/QH12), Luật Nhà ở (Luật số 65/2014/QH13). Mỗi bộ luật đều có các điều khoản cụ thể về việc chăm sóc sức khỏe, cấp dưỡng, bảo vệ quyền lợi và xử lý các hành vi ngược đãi NCT.

Bộ luật Lao động (Luật số 45/2019/QH14) có các quy định về quyền lợi của người lao động cao tuổi, bao gồm: quyền tiếp tục làm việc sau tuổi nghỉ hưu nếu có thỏa thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động; điều chỉnh chế độ làm việc phù hợp với sức khỏe của NCT; quy định về thời gian nghỉ hưu, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi sau khi nghỉ hưu. Dưới luật, Nghị định 148/2018/NĐ-CP, hướng dẫn về các quyền và nghĩa vụ của người lao động cao tuổi, bao gồm việc ký kết hợp đồng lao động nhiều lần và quyền được làm việc phù hợp với sức khỏe. Nghị định 28/2020/NĐ-CP, quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, trong đó có các quy định về việc bảo vệ quyền lợi người lao động cao tuổi. Thông tư 10/2020/TT-BLĐTBXH, ngày 12/11/2020, hướng dẫn chi tiết về việc sử dụng người lao động cao tuổi, nêu rõ quyền và nghĩa vụ của cả người lao động và người sử dụng lao động khi tiếp tục làm việc sau độ tuổi nghỉ hưu theo thỏa thuận. Nghị định 145/2020/NĐ-CP, ngày 14/12/2020, hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động, bao gồm quy định cụ thể về điều kiện làm việc và các chính sách cho người lao động cao tuổi, như quyền nghỉ ngơi, chăm sóc sức khỏe, và điều kiện an toàn lao động. Thông tư 08/2021/TT-BLĐTBXH, ngày 20/09/2021, hướng dẫn về chế độ bảo hiểm xã hội và lương hưu cho người lao động cao tuổi, quy định các thủ tục và quyền lợi liên quan đến người lao động cao tuổi hưởng lương hưu và làm việc theo hợp đồng mới sau khi đã nghỉ hưu. Thông tư 06/2021/TT-BLĐTBXH, hướng dẫn cụ thể về chế độ hưu trí cho NCT theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội 2014, áp dụng cho lao động cao tuổi. Thông tư 01/2021/TT-BLĐTBXH, hướng dẫn cụ thể về chế độ làm việc, quy định thời gian làm việc, quyền lợi của người lao động đã đến tuổi nghỉ hưu nhưng vẫn tiếp tục làm việc theo hợp đồng lao động.

Luật Bảo hiểm xã hội (Luật số 58/2014/QH13) bổ sung và quy định các chế độ bảo hiểm xã hội đối với NCT, đặc biệt là chế độ hưu trí, bảo hiểm y tế cho NCT. Luật Khám bệnh, chữa bệnh (Luật số 40/2009/QH12) quy định việc ưu tiên trong khám, chữa bệnh cho NCT, bao gồm cả việc miễn hoặc giảm chi phí khám chữa bệnh cho NCT thuộc diện chính sách xã hội. Luật Giao thông đường bộ (Luật số 23/2008/QH12) có một số quy định liên quan đến quyền lợi của NCT khi tham gia giao thông. Luật Hôn nhân và Gia đình sửa đổi

(2014) quy định về trách nhiệm cấp dưỡng của con cháu đối với cha mẹ. Bộ luật Dân sự (2015) có quy định liên quan đến người giám hộ. NCT có thể được xem là đối tượng cần sự giám hộ trong trường hợp họ không còn khả năng tự thực hiện các giao dịch dân sự do tuổi tác hoặc tình trạng sức khỏe. Đồng thời, NCT cũng có thể tham gia giám hộ đối với những người không có năng lực hành vi dân sự như trẻ em hoặc người khuyết tật. Quyền và nghĩa vụ thừa kế cũng được quy định trong Bộ luật này, bao gồm các quyền lợi của NCT khi là đối tượng thừa kế hoặc được người khác để lại tài sản. Luật Nhà ở (Luật số 65/2014/QH13) quy định về việc hỗ trợ nhà ở cho NCT thuộc diện chính sách hoặc những NCT gặp khó khăn về chỗ ở. Trong Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), điều 185 quy định về tội ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu hoặc người có công nuôi dưỡng.

Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam (năm 2021) nhấn mạnh việc đảm bảo quyền lợi của NCT, thúc đẩy các chính sách chăm sóc và hỗ trợ để NCT được sống khỏe mạnh, có điều kiện tham gia các hoạt động xã hội và phát huy kinh nghiệm, đóng góp vào sự phát triển của đất nước. Nghị quyết yêu cầu tăng cường hệ thống chăm sóc sức khỏe, phát triển các dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho NCT, đặc biệt với những người có hoàn cảnh khó khăn. Quyết định số 1579/QĐ-TTg/2020 phê duyệt Chương trình Chăm sóc sức khỏe NCT đến năm 2030, mục tiêu củng cố và phát triển hệ thống cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu và dài hạn. Quyết định số 2156/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về NCT giai đoạn 2021-2030, mục tiêu phát huy tối đa tiềm năng, vai trò, kinh nghiệm, tri thức phù hợp với nguyện vọng, nhu cầu, khả năng; thực hiện đầy đủ các quyền lợi và nghĩa vụ của NCT; tăng cường sức khỏe về thể chất và tinh thần, phòng chống ngược đãi NCT; nâng cao chất lượng mạng lưới y tế chăm sóc sức khỏe; xây dựng môi trường thuận lợi để NCT tham gia các hoạt động; nâng cao chất lượng đời sống vật chất; hoàn thiện chính sách trợ giúp xã hội hướng tới đảm bảo mức sống tối thiểu.

Cơ sở pháp lý tại Việt Nam có vai trò quan trọng trong việc chăm sóc, bảo vệ và phát huy vai trò của NCT. Thông qua luật và các văn bản dưới luật, nhà nước đã quy định chi tiết các chính sách ưu tiên dành cho NCT, hướng tới việc tạo môi trường sống an toàn thuận tiện, đảm bảo quyền lợi, hỗ trợ an sinh xã hội, khuyến khích sự tham gia các hoạt động xã hội và thúc đẩy sự tôn trọng vai trò của NCT trong gia đình và xã hội, đảm bảo cho họ một cuộc sống lành mạnh, có ý nghĩa.

3. Tham gia lao động và việc làm của phụ nữ cao tuổi

Theo Tổng cục Thống kê, tính đến năm 2024, Việt Nam có khoảng 14,5% dân số là người từ 60 tuổi trở lên, và tỷ lệ này sẽ tiếp tục tăng nhanh trong các thập kỷ tới. Theo quan điểm của Tổ chức Y tế Thế giới, chăm sóc NCT không chỉ là nghĩa vụ mà còn là một chiến lược phát triển bền vững, là một yêu cầu tổng thể, tích hợp giữa luật pháp, đạo đức, chiến lược xã hội, tình cảm nhân văn. NCT là nguồn lực quý của xã hội với nhiều kinh nghiệm, tri thức, uy tín trong cộng đồng và vẫn có thể tiếp tục đóng góp nếu được chăm sóc tốt, tập trung phân tích một số đặc điểm cơ bản của PNCT trong phát triển kinh tế gia đình như lao động, việc làm, thu nhập, chi tiêu, góp phần nhận diện rõ hơn đặc điểm và điều kiện sống của họ. Việc nghiên cứu nhóm PNCT không chỉ có ý nghĩa về mặt khoa học và thực tiễn,

mà còn góp phần thúc đẩy chính sách an sinh và phát triển bền vững, đặc biệt trong bối cảnh tỷ lệ người cao tuổi ngày càng tăng cao tại Việt Nam.

Từ thực tiễn xã hội, có thể thấy một thực tế khá phổ biến là sau khi nghỉ hưu, nhiều PNCT đối diện với sự thay đổi lớn về quỹ thời gian, vai trò xã hội, sinh hoạt hằng ngày và mối quan hệ cộng đồng. Trong hoàn cảnh đó, công việc dù là bán thời gian, tự làm hay tình nguyện cũng đều trở thành liệu pháp tinh thần tích cực giúp duy trì niềm vui sống, sức khỏe và cảm giác có ý nghĩa trong cuộc đời. Liên quan tới tình hình lao động việc làm, tại thời điểm khảo sát, có khoảng 38% PNCT vẫn đang làm việc tạo thu nhập, phần lớn là những phụ nữ mới gia nhập nhóm cao tuổi, trong khoảng tuổi 60-69. Tuy nhiên, do liên quan tới tình trạng sức khỏe nên tỷ lệ phụ nữ tiếp tục lao động khi tuổi 70 trở lên giảm nhanh rõ rệt và gần như không có ai tiếp tục lao động từ độ tuổi 80 trở lên.

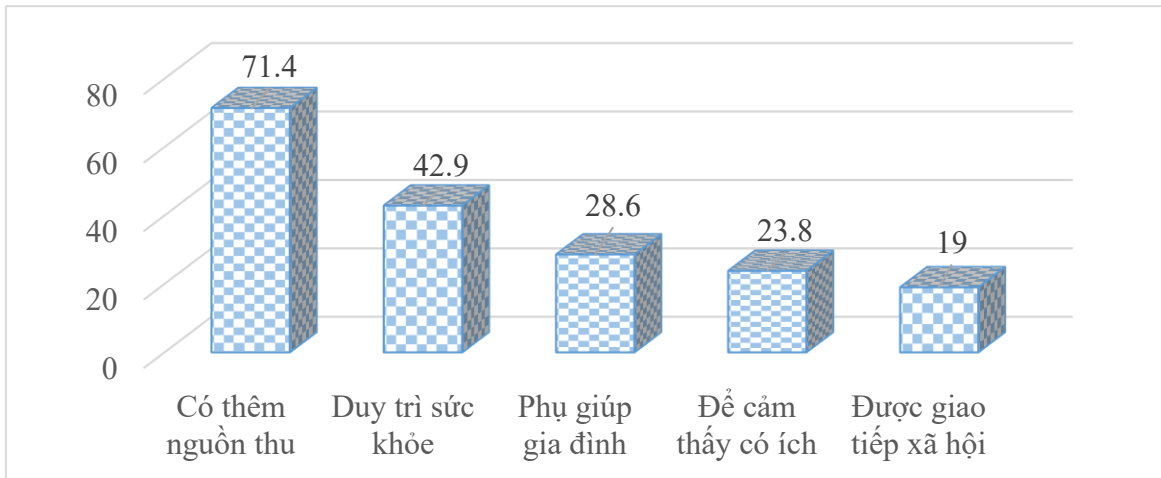
Tìm hiểu theo cơ cấu giới tính và tình trạng hôn nhân cho thấy PNCT ở độ tuổi 60-69 có tỷ lệ lớn hơn so với nam giới. Về tình trạng hôn nhân, tỷ lệ NCT góa phần lớn tập trung ở nhóm nữ giới (35.5%) trong so sánh với nam giới (5.5%), phụ nữ trong tình trạng hôn nhân góa có mức tuổi trung bình là 71. Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra sự chênh lệch tuổi thọ trung bình giữa nam giới và phụ nữ Việt Nam, mà nguyên nhân là do tuổi thọ trung bình cao hơn nam giới (năm 2020, tuổi thọ trung bình của nữ là 76,4 và 71,0 đối với nam giới) (Tổng cục Thống kê, 2021) nên tỷ lệ PNCT ly thân, góa cũng cao hơn so với nam giới. Kết quả này phù hợp với tình trạng chung theo số liệu thống kê quốc gia, như trong báo cáo của Quỹ Dân số Liên Hợp Quốc (UNFPA) về tình trạng hôn nhân của NCT và số liệu Điều tra Biến động dân số và Kế hoạch hóa gia đình năm 2021.

Công việc của PNCT, 52.6% là lao động giản đơn, 18.4% tham gia công tác xã hội địa phương, lĩnh vực nông lâm nghiệp chiếm 19,7%, và 5,3% làm trong lĩnh vực dịch vụ và làm dịch vụ. Tỷ lệ làm quản lý và các công việc chuyên môn ở mức dưới 5%. Cơ cấu việc làm này chỉ mang tính đặc thù của phường, xã được khảo sát, không mang tính đại diện cho tổng thể. Song, việc phát huy vai trò của lao động cao tuổi cũng luôn có những điểm tương đồng về ý nghĩa xã hội. Việc tạo điều kiện để PNCT làm việc phù hợp với sức khỏe không chỉ giúp giảm gánh nặng an sinh mà còn phát huy hiệu quả nguồn nhân lực đang ngày càng tăng về số lượng. Phân tích lý do PNCT tiếp tục làm việc tạo thu nhập, kết quả khảo sát cho thấy 71,4% làm việc để có thu nhập cho bản thân, điều này càng trở nên quan trọng hơn đối với PNCT không có lương hưu hoặc trợ cấp đủ sống. 28,6% cần giúp đỡ gia đình, cho thấy áp lực kinh tế cá nhân và gia đình vẫn là yếu tố chi phối mạnh mẽ. 42,9% cho rằng duy trì sức khỏe là lý do quan trọng; một số người chọn làm việc để cảm thấy có ích (23,8%) và giao tiếp xã hội (19%).

Bên cạnh áp lực tài chính, nhiều PNCT cũng cần được nhìn nhận như một lực lượng có nhu cầu hoạt động, cống hiến và hòa nhập xã hội, chứ không phải là đối tượng phụ thuộc. Số liệu trên phản ánh thực tế là quyết định tiếp tục làm việc không đơn thuần đến từ một yếu tố duy nhất, mà là tổng hòa của nhiều động cơ cá nhân và xã hội. Chính vì vậy các chính sách không chỉ cần hỗ trợ về an sinh tài chính, mà còn cần tạo ra môi trường làm việc linh hoạt, thân thiện và phù hợp với đặc điểm tuổi tác, giúp phát huy tối đa vai trò tích cực của PNCT.

Hình 1. Lý do phụ nữ cao tuổi vẫn tiếp tục đi làm

Đơn vị: %



Nguồn: Số liệu khảo sát của đề tài.

Về dự định duy trì công việc của PNCT được thể hiện qua câu hỏi về việc họ sẽ nghỉ ngơi không lao động tạo thu nhập nữa sau bao nhiêu nhiều năm làm việc, trong số những phương án trả lời hợp lệ, có 40,8% chọn phương án “còn tùy”, cho thấy phần lớn PNCT không chắc chắn về thời điểm nghỉ làm cụ thể, có thể liên quan đến tâm lý chưa sẵn sàng rút lui hoàn toàn khỏi thị trường lao động, đặc biệt trong bối cảnh thu nhập không đảm bảo. Những ý kiến còn lại chủ yếu cho biết sẽ nghỉ trong khoảng 5 năm tới (chiếm gần 50% số người có câu trả lời xác định). Kết quả khảo sát phản ánh một thực tế có thể bắt nguồn từ áp lực tài chính, hoặc mong muốn duy trì vai trò xã hội. Lý do chủ yếu cho việc lựa chọn thời điểm dừng làm việc tạo thu nhập theo đánh giá của PNCT chủ yếu là vấn đề về sức khỏe. 76,7% sẽ nghỉ ngơi không làm việc nữa khi không còn đủ sức khỏe; 27,3% sẽ không làm việc khi không muốn làm nữa. PNCT số đông có tâm thế thoải mái trong quyết định tiếp hoặc không tiếp tục công việc. Bởi thiên chức chăm sóc gia đình, nên có 11,8% cho rằng họ sẽ không tiếp tục làm việc nếu cần chăm lo cho gia đình, và tỷ lệ này cao hơn hẳn so với nam giới.

Nhiều nghiên cứu cho thấy PNCT tiếp tục lao động có sức khỏe tốt hơn, đồng thời cảm thấy hạnh phúc và có ích hơn so với nhóm nghỉ hưu hoàn toàn. Việc PNCT tiếp tục tham gia lao động không chỉ mang ý nghĩa kinh tế đối với bản thân và gia đình, mà còn có giá trị xã hội sâu sắc, thể hiện sự quan tâm và tạo điều kiện của xã hội để người cao tuổi tiếp tục làm việc phù hợp với sức khỏe, kinh nghiệm và mong muốn cá nhân. Lao động vừa sức ở độ tuổi này giúp PNCT duy trì thể lực, rèn luyện trí tuệ, tăng sự linh hoạt và phòng ngừa nguy cơ suy giảm chức năng do tuổi tác. Môi trường lao động dù là chính thức hay phi chính thức cũng mang lại cho họ cơ hội được giao lưu, kết nối xã hội, giảm cảm giác cô đơn, tăng cường sự tự tin trong cuộc sống.

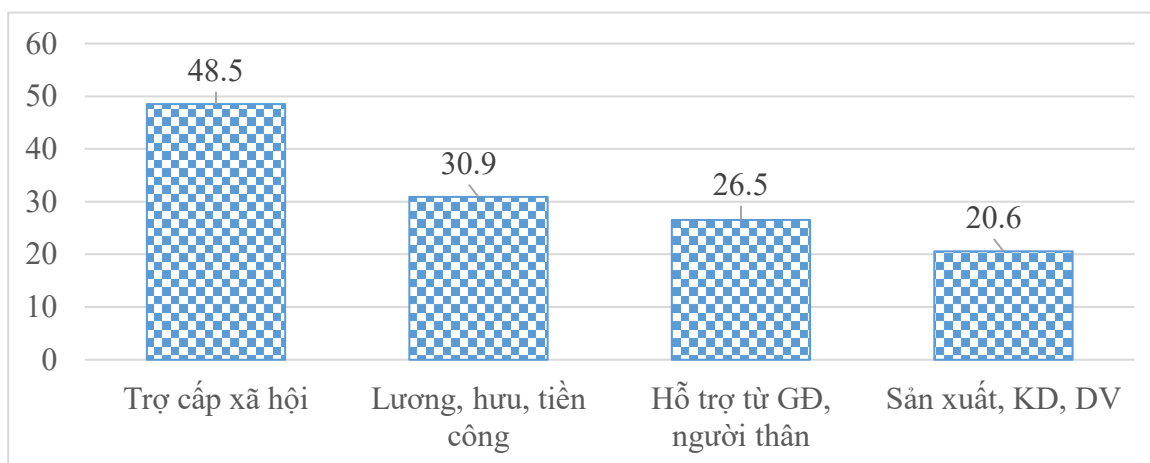
4. Đóng góp thu nhập và mức chi tiêu của phụ nữ cao tuổi

Thu nhập từ công việc là nguồn quan trọng đối với nhiều PNCT, giúp họ thêm điều kiện nâng cao mức sống, giảm phụ thuộc vào con cháu hay các khoản trợ cấp. Đối với những người không có lương hưu hoặc không được phụng dưỡng đầy đủ, nguồn tài chính này càng trở nên quan trọng để trang trải chi phí sinh hoạt, y tế và các nhu cầu cá nhân, góp phần nâng cao tính tự chủ của PNCT trong xã hội hiện đại. Do đặc điểm lứa tuổi nên PNCT thường lựa chọn làm việc ngay tại xã/phường nơi cư trú. Về hình thức lao động, 22,4% làm việc toàn thời gian, hơn 50% làm việc bán thời gian, số còn lại tham gia lao động theo hình thức thời vụ hoặc theo vụ việc. Trong khả năng và quỹ thời gian cho phép, nhiều PNCT vẫn chủ động duy trì việc làm, không chỉ để bảo đảm sinh kế, mà còn nhằm duy trì sức khỏe thể chất, nâng cao tinh thần, giữ gìn giá trị bản thân và duy trì kết nối xã hội. Đây là xu hướng tích cực và cần được khuyến khích trong bối cảnh dân số Việt Nam đang già hóa nhanh chóng. Với kinh nghiệm sống phong phú, kỹ năng nghề nghiệp vững vàng, việc họ tiếp tục làm việc không chỉ tạo ra giá trị kinh tế, mà còn góp phần truyền thụ tri thức, kinh nghiệm cho thế hệ sau, một vai trò xã hội quan trọng và không thể thay thế.

Về thu nhập, có khoảng cách đáng kể về mức thu nhập hằng tháng giữa các nhóm PNCT trong nghiên cứu. Mức thu nhập thấp nhất chưa tới 100.000 đồng/tháng, trong khi thu nhập cao nhất lên tới 20 triệu đồng/tháng. Thu nhập bình quân của NCT trong nghiên cứu này là 2.942.000 đồng/tháng. Xét theo giới, nam giới cao tuổi có mức thu nhập trung bình cao hơn đáng kể so với PNCT. Thu nhập bình quân/tháng của nam là 3.150.000 đồng, trong khi của nữ là 2.731.100 đồng. Theo khu vực cư trú, sự chênh lệch cũng thể hiện rõ giữa đô thị và nông thôn: PNCT sống ở đô thị có thu nhập bình quân/tháng là 3.628.000 đồng, trong khi ở nông thôn chỉ đạt 2.253.000 đồng/tháng, mức chênh lệch khoảng 1,3 triệu đồng.

Hình 2. Nguồn thu nhập của phụ nữ cao tuổi

Đơn vị: %



Nguồn: Số liệu khảo sát của đề tài.

Nghiên cứu cho thấy PNCT có nhiều nguồn thu nhập khác nhau, tuy nhiên phần lớn phụ thuộc vào các nguồn mang tính hỗ trợ hơn là từ lao động trực tiếp. Trợ cấp xã hội là

nguồn thu nhập phổ biến nhất với 48,5% số lượt lựa chọn, cho thấy vai trò của hệ thống an sinh xã hội, nhất là trong bối cảnh thu nhập từ lao động không còn ổn định. Lương hưu, tiền công chiếm 30,9% số lượt, tương ứng 30,9% PNCT có được nguồn thu nhập ổn định từ công việc chính thức hoặc có đóng bảo hiểm xã hội trước đây. Hỗ trợ từ gia đình, người thân chiếm 26,5% phản ánh vai trò của mối quan hệ gia đình trong đảm bảo an sinh cho NCT, đặc biệt là phụ nữ, nhóm thường yếu thế hơn về kinh tế. 20,6% PNCT còn tạo thu nhập từ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Khả năng tiếp tục tham gia vào thị trường lao động của nhóm này là rất hạn chế, có thể do sức khỏe, tuổi tác, hoặc rào cản xã hội. Mỗi người có thể có một hoặc nhiều nguồn thu nhập, nhưng phần lớn các nguồn này vẫn mang tính hỗ trợ, không ổn định hoặc không đủ sống. Điều này phản ánh tính dễ bị tổn thương về kinh tế của PNCT, đồng thời nhấn mạnh sự cần thiết của các chính sách hỗ trợ bền vững và toàn diện hơn, bao gồm an sinh xã hội, chăm sóc y tế và cơ hội được tham gia làm kinh tế phù hợp với điều kiện.

Mức chi tiêu bình quân của NCT đạt khoảng 2.731.099 đồng/tháng, với khoảng cách chi tiêu khá lớn giữa các cá nhân: mức thấp nhất chỉ 100.000 đồng/tháng, trong khi cao nhất lên tới 15 triệu đồng/tháng. Đối với nữ lao động cao tuổi, thu nhập trung bình đạt 2.731.089 đồng/tháng, trong khi chi tiêu trung bình là 2.938.691 đồng/tháng, dẫn đến tình trạng chi vượt thu khoảng 207.602 đồng/tháng, tương đương khoảng 7,6% tổng thu nhập. Điều này cho thấy một bộ phận không nhỏ nữ cao tuổi đang sống trong tình trạng mất cân đối tài chính, buộc phải trông cậy vào con cháu, tiết kiệm cá nhân hoặc các nguồn hỗ trợ xã hội khác. Chi phí y tế chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi tiêu hàng tháng của PNCT, bình quân khoảng 858.000 đồng/tháng và nam khoảng 1.367.000 đồng/tháng. Đối chiếu với thu nhập, chi phí y tế ở nữ cao tuổi đã chiếm tới 31,4% tổng thu nhập hàng tháng, một tỷ lệ đáng kể và là gánh nặng kinh tế rõ rệt, nhất là khi tuổi tác càng cao, các bệnh mạn tính và suy giảm chức năng ngày càng phổ biến. Tại Bắc Ninh, ở thời điểm khảo sát, toàn bộ PNCT có bảo hiểm y tế. Kết quả này phù hợp với nội dung chính sách về hỗ trợ kinh phí tham gia BHYT đối với người từ đủ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi của tỉnh Bắc Ninh. Điều 3 Nghị quyết số 11/2023/NQ-HĐND quy định về chính sách hỗ trợ tham gia BHYT đối với NCT từ 60 tuổi trở lên, theo đó, NCT từ đủ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại tỉnh, chưa tham gia BHYT theo các đối tượng khác, được hỗ trợ 100% kinh phí tham gia bảo hiểm y tế hàng năm, đưa Bắc Ninh là tỉnh đầu tiên trong cả nước đạt mục tiêu bao phủ 100% BHYT đối với NCT.

Thông qua hoạt động lao động, phụ nữ cao tuổi tiếp tục đóng góp vai trò quan trọng trong việc duy trì và phát triển kinh tế gia đình. Không chỉ góp phần tạo thu nhập trực tiếp, họ còn hỗ trợ con cháu về mặt tài chính, tinh thần và tham gia điều tiết chi tiêu hợp lý trong bối cảnh gia đình nhiều thế hệ cùng sinh sống. Với vốn sống dày dặn, tinh thần tiết kiệm và tính trách nhiệm cao, PNCT không chỉ là người giữ gìn nếp nhà mà còn là trụ cột mềm trong cấu trúc kinh tế hộ. Tuy nhiên, mức thu nhập khiêm tốn, chênh lệch giới trong cơ hội việc làm, cùng với gánh nặng chi tiêu đặc biệt là chi phí y tế cũng khiến nhiều phụ nữ cao tuổi đối mặt với khó khăn tài chính. Do đó, việc thiết kế các chính sách tài chính, an sinh

phù hợp với đặc thù giới và tuổi tác là yêu cầu cấp thiết, nhằm hỗ trợ PNCT chủ động, an toàn và bền vững hơn trong cuộc sống khi tuổi cao.

5. Bàn luận

Dữ liệu khảo sát tại Bắc Ninh, một tỉnh đang phát triển nhanh cả về kinh tế và đô thị hóa đã phản ánh nhiều chiều cạnh quan trọng. Thu nhập bình quân của nữ lao động cao tuổi còn thấp so với mức chi tiêu; một bộ phận đáng kể đang phải trông cậy vào trợ cấp xã hội và sự hỗ trợ từ người thân, trong khi chi phí y tế đặc biệt cho thuốc men và khám chữa bệnh đều đặn chiếm tỷ lệ cao trong tổng chi tiêu hàng tháng. Không khó để nhận thấy tính dễ bị tổn thương về kinh tế và y tế của NCT, nhất là nữ giới, nhóm thường không có lương hưu đầy đủ hoặc bị gián đoạn quá trình lao động do gánh nặng chăm sóc gia đình. Đa số PNCT, đặc biệt trong 10 năm đầu kể từ thời điểm gia nhập nhóm cao tuổi, vẫn mong muốn tiếp tục làm việc, không chỉ vì lý do tài chính mà còn để duy trì sức khỏe, giao tiếp xã hội và cảm thấy bản thân có ích. Đây chính là minh chứng cho tiềm năng và khát vọng tiếp tục được công nhận của PNCT - một nguồn lực xã hội cần được tôn trọng và tạo điều kiện.

Mặc dù khung chính sách và pháp luật hiện hành nhìn chung bảo đảm sự công bằng về giới đối với NCT, song trong thực tiễn đời sống đặc biệt ở các khía cạnh lao động, việc làm, thu nhập và chi tiêu khoảng cách giới vẫn tồn tại ở những mức độ khác nhau. Khác biệt này bắt nguồn từ nhiều yếu tố liên quan tới tình trạng sức khỏe, đặc thù nghề nghiệp, khả năng tiếp cận công nghệ, vai trò giới, cùng với kỳ vọng từ gia đình và xã hội. Đây chính là những thách thức không nhỏ trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ và toàn diện, đặt ra yêu cầu cấp thiết phải tiếp tục xây dựng các giải pháp hỗ trợ nâng cao kỹ năng số cho PNCT, phát triển các mô hình việc làm linh hoạt, phù hợp với điều kiện và năng lực của họ, đồng thời mở rộng các hình thức tham gia xã hội đa dạng, nhằm giúp PNCT duy trì niềm vui, sự tự tin và cảm giác an yên trong cả công việc lẫn cuộc sống. Từ những phân tích trên, có thể thấy rằng chính sách đối với PNCT cần được nhìn nhận không chỉ như một phần của hệ thống an sinh xã hội, mà còn là chiến lược dài hạn trong phát triển quốc gia. Chăm sóc PNCT là đảm bảo sự công bằng giữa các thế hệ, là gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa đạo đức truyền thống, đồng thời cũng là cách để tận dụng một nguồn lực xã hội quan trọng về trí tuệ, kinh nghiệm và kết nối cộng đồng.

Tài liệu tham khảo

- Bích Hà. 2024. Giải pháp nào thích ứng với già hóa dân số ở nước ta. <https://dcs.nhandan.vn>.
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. 2020. Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 Về hướng dẫn việc sử dụng người lao động cao tuổi.
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. 2021. Thông tư số 01/2021/TT-BLĐTBXH ngày 03/3/2021 Về việc hướng dẫn thời gian làm việc, nghỉ ngơi và bảo đảm an toàn lao động cho người lao động cao tuổi.
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. 2021. Thông tư số 06/2021/TT-BLĐTBXH ngày 07/7/2021 Về việc quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về hưu trí.
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. 2021. Thông tư số 08/2021/TT-BLĐTBXH ngày 20/9/2021 Về việc hướng dẫn thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội.

- Chính phủ. 2018. Nghị định số 148/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018 Về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Bộ luật Lao động.
- Chính phủ. 2020. Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18/11/2020 Quy định tuổi nghỉ hưu.
- Chính phủ. 2020. Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.
- Chính phủ. 2020. Nghị định số 28/2020/NĐ-CP ngày 01/3/2020 Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. 2021. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng về phương hướng, nhiệm vụ phát triển đất nước trong giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến 2030 và 2045.
- Quốc hội nước Cộng hòa XHCNVN. 2015. Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13, ngày 24/11/2015. <https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=183188&classid>
- Quốc hội nước Cộng hòa XHCNVN. 2019. Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14 ngày 20/11/2019. <https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=198540>
- Quốc hội nước Cộng hòa XHCNVN. 2014. Luật Bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13 ngày 20/11/2014. <https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=211199>
- Quốc hội nước Cộng hòa XHCNVN. 2008. Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12, 13/11/2008. <https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=81140>
- Quốc hội nước Cộng hòa XHCNVN. 2000. Luật Hôn nhân và Gia đình số 22/2000/QH10, 09/6/2000. <https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=175351>
- Quốc hội nước Cộng hòa XHCNVN. 2009. Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12, 23/11/2009. <https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=207396>
- Quốc hội nước Cộng hòa XHCNVN. 2009. Luật Người cao tuổi số 39/2009/QH12, 23/11/2009. <https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=92321>
- Quốc hội nước Cộng hòa XHCNVN. 2014. Luật Nhà ở, số 65/2014/QH13, ngày 25/11/2014. <https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/vbpq/2024/01/luat27.pdf>
- Thanh Mai. 2022. Tuổi sống khỏe của người Việt Nam còn thấp. <https://nhandan.vn/tuoi-song-khoe-cua-nguoi-viet-nam-con-thap>.
- Thủ tướng Chính phủ. 2020. Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 13/10/2020 về Phê duyệt Chương trình Chăm sóc sức khỏe NCT đến 2030.
- Thủ tướng Chính phủ. 2021. Quyết định số 2156/QĐ-TTg ngày 21/12/2021 về Phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về NCT giai đoạn 2021-2030.
- Tổng cục Thống kê. 2021. Báo cáo chỉ số phát triển con người của Việt Nam giai đoạn 2016-2020.
- UNFPA. 2011. Già hóa dân số và NCT Việt Nam thực trạng, dự báo và một số khuyến nghị chính sách, trong khuôn khổ chương trình Kế hoạch Một Liên hợp Quốc.
- WHO. 2020. Mental health and older adults. World Health Organization
- WHO. 2023. Mental health of older adults. <https://www.who.int/news-room/fact-sheets/detail/mental-health-of-older-adults>
- WHO. 2024. Ageing and health. <https://www.who.int/news-room/fact-sheets/detail/ageing-and-health>.